

Số : 133/BCTN-TCHC

Khánh Hòa , ngày 15 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4200444916
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 37.041.000.000 đồng
- Địa chỉ: 84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh

Hòa

- Số điện thoại: (0258) 3523 863
- Số fax: (0258) 3523 863
- Website: www.urenconhatrang.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của công ty gồm 02 công ty hoạt động độc lập là Công ty Dịch vụ Công cộng thành phố Nha Trang và công ty công viên Cây xanh Khánh Hòa.

- Ngày 08/03/2001 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 746A/2001/QĐ-UB hợp nhất Công ty Công viên Cây xanh Khánh Hòa và Công ty Dịch vụ Công cộng Thành phố Nha Trang thành Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Ngày 29/06/2010 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1695/QĐ-UBND chuyển đổi Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang. Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010.

- Ngày 17/07/2012 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1721/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Công ty Cổ phần môi trường đô thị Nha Trang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200444916 do sở Kế Hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31/12/2014.

- Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh Công ty đã đăng ký bổ sung thêm một số ngành nghề và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do sở Kế Hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/06/2017.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành
01	Thu gom rác thải không độc hại
02	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng.
03	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
04	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây
05	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh
06	Trồng cây hàng năm khác
07	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
08	Xây dựng công trình công ích
09	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
10	Lắp đặt hệ thống điện
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
12	Thoát nước và xử lý nước thải
13	Thu gom rác thải độc hại
14	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
16	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
17	Phá dỡ
18	Chuẩn bị mặt bằng
19	Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp
20	Hoạt động thiết kế chuyên dụng

21	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh
22	Vận tải hành khách đường bộ khác . Chi tiết : Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu
23	- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)

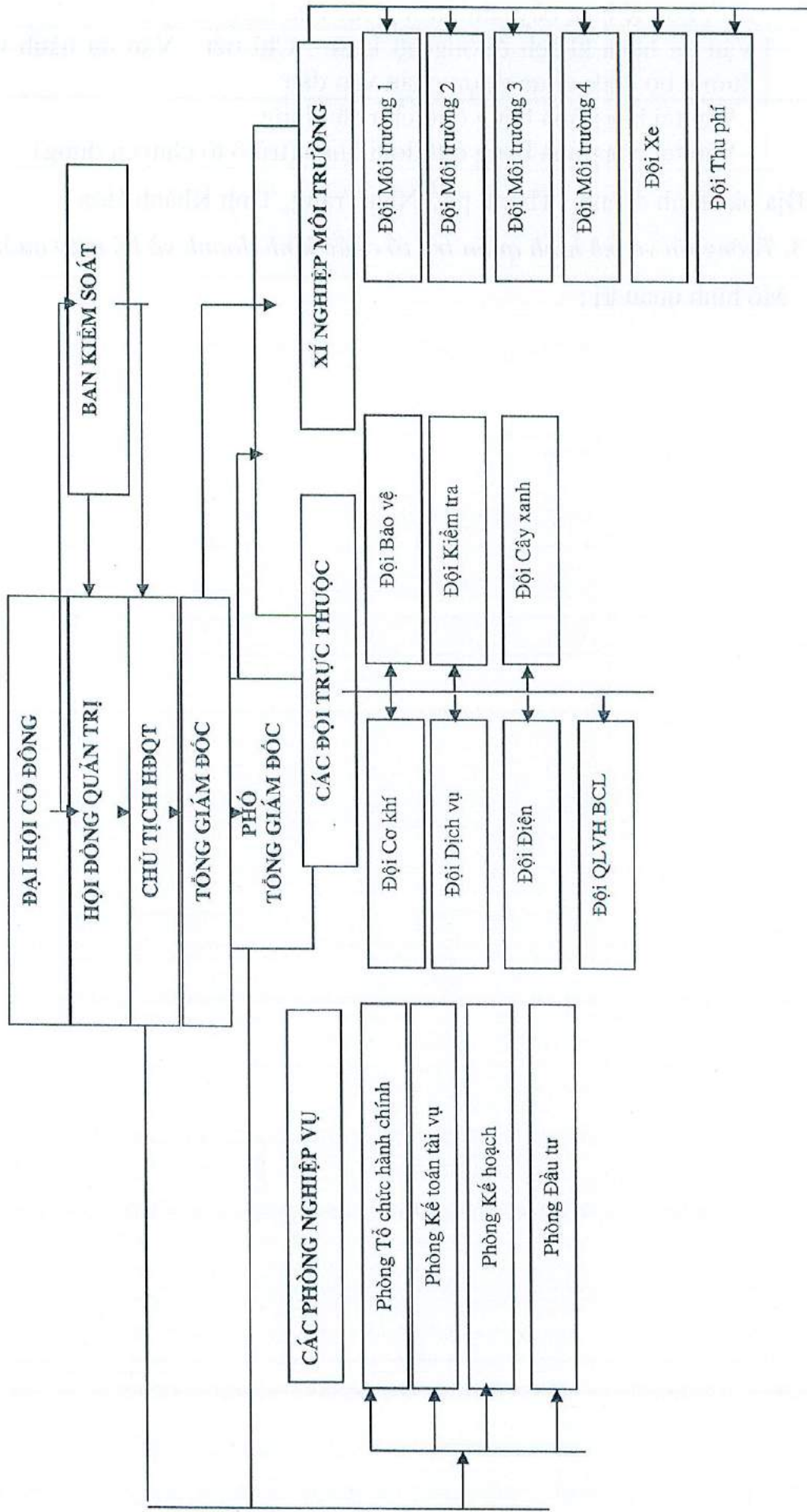
Địa bàn kinh doanh : Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị :



MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHÀ TRANG



4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư thêm trang bị thêm cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát huy lợi thế đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường và xử lý rác thải.

Bảo đảm tốt lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

* Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành từng công việc sản xuất.

- Phân bổ hợp lý con người, phương tiện và công cụ dụng cụ sản xuất.

* Công tác Dự án đầu tư:

Bám sát Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua dự án đầu tư nhằm tiếp tục nâng cao năng lực về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

* Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn.

* Công tác Nhân sự – Tiền lương:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty tổ chức các Hội nghị thường niên của Công ty như: Đại hội cổ đông, Hội nghị người lao động, ...

* Công tác khác:

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng “Đoàn kết, sáng tạo và phát triển”, đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2019.

- Công tác Kiểm tra an toàn, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ.

5. Các rủi ro:

- Giá trị các hợp đồng dịch vụ của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm do đấu thầu dịch vụ công ích đô thị, chi phí của công ty lại tăng do các chế độ cho người lao động đều tăng: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm làm thu hẹp khu vực đặt hàng công ty.

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Trình độ tay nghề của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019:

Bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2019	TH 2019	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	199,5	205,977	103,247
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	191,7	198,137	103,358
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,8	7,840	100,513
4	Cổ tức	%	7.07	7.00	99,010

2. Tổ chức nhân sự :

- Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân tại ngày 31/12/2019		Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước tại ngày 31/12/2019	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ

I	Hội đồng Quản trị					
1	Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch	3.900	0,065	1.000.000	16,6667
2	Hồ Ngọc Ân	Thành viên			2.000.000	33,3333
3	Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên Kế toán trưởng	1.600	0,0267	400.000	6,6667
4	Ngô Văn Dũng	Thành viên	3.100	0,0517	304.100	5,0683
5	Bùi Văn Khánh	Thành viên	1.400	0,0233		
6	Võ Tường Trọng	Thành viên	1.511.300	25,1883		
7	Phan Ngọc Thanh	Thành viên				
II	Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	1.900	0,0317		
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	3.900	0,0650		
3	Nguyễn Hùng	Thành viên				

- Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành :

Họ và tên : **Nguyễn Thành Tây**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 13 tháng 6 năm 1962 Giới tính: Nam

Quê quán: Tổ 15 Vĩnh Diêm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 15 Vĩnh Diêm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Tổ 15 Vĩnh Diêm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân: 220092654

Ngày cấp: 22/01/2008 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Kỹ sư nông nghiệp

Lý luận chính trị: Cao cấp Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1990 -1994	Công tác tại Hợp tác xã Nông nghiệp Kinh doanh Tổng hợp Vĩnh Hiệp với các chức vụ cán bộ kỹ thuật, phó chủ nhiệm, Trưởng ban kiểm soát, Phó bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản HCM Xã Vĩnh Hiệp
1995 đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ chuyên viên Phòng Kế hoạch, Đội trưởng Đội quản lý công viên cây xanh; Trưởng phòng kế

hoạch; Trưởng phòng Tổ chức hành chính; Phó Bí thư chi bộ; Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám Đốc; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở.
 Ủy viên Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Thành phố Nha Trang

Họ và tên : **Hồ Ngọc Ân**

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng Quản trị; Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 29 tháng 5 năm 1963 Giới tính: Nam

Quê quán: Phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: 01^A đường Đồng Nai, tp Nha Trang, t.Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 01^A đường Đồng Nai, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 220043025

Ngày cấp: 20/8/2015 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân luật

Lý luận chính trị: Cử nhân Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
- 26/3/1981- 23/6/1981	Đi nghĩa vụ quân sự tại Đơn vị A7, C3, D7, E93 QK5 Đăk Lăk.
- 23/6/1981- 06/9/1983	Chuyển công tác về Đơn vị E719, F333, QK5 Đăk Lăk. Xuất ngũ ngày 06/9/1983, cấp bậc: Trung sĩ, chức vụ: Tiểu Đội trưởng Vệ binh.
- 10/1983 - 09/1989	Được tuyển dụng về công tác tại cơ quan Thanh tra thành phố Nha Trang (làm cán bộ).
- 10/1989 - 02/2004	Công tác tại Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Nha Trang, chức vụ: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
- 03/2004 – 05/2009	Luân chuyển về công tác tại UBND phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND phường Ngọc Hiệp.
- 06/2009 – 12/2014	Về công tác tại Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi Bộ - Trưởng Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang.
- 01/01/2015 – nay	Về công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi bộ, Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

Họ và tên : **Nguyễn Hùng Thanh**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 04 năm 1972 Giới tính: Nam

Quê quán : Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 43/6 Quang Trung, Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân: 225004834

Ngày cấp: 20/07/2018 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kinh tế , Thạc sỹ Kinh Tế

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2004 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Kế toán tài vụ, Kế toán trưởng, Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : **Ngô Văn Đùng**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: ngày 22 tháng 5 năm 1965 Giới tính : Nam

Quê quán : Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân: 225028957

Ngày cấp: 01/10/2008, Nơi cấp: Công An Khánh Hòa

Trình độ văn hóa : 12/12

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1983 đến 2001	Công tác tại Công ty dịch vụ công cộng Nha Trang với công việc Nhân viên bảo vệ
2005 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Đội phó, Phụ trách đội vệ sinh công cộng, Quyền Đội trưởng MT 1, Quyền Đội trưởng MT3, Đội Phó Đội Môi trường 4, thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : **Bùi Văn Khánh**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày, tháng, năm sinh: ngày 02 tháng 03 năm 1982 Giới tính : Nam

Quê quán : Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 21 Cao Văn Bé, phường Vĩnh Phước thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225205829

Ngày cấp: 02/07/2014, Nơi cấp:Công An Khánh Hòa

Trình độ văn hóa : 12/12

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2006 đến 4/2012	Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Công nghệ Sinh học và Môi trường Đại học Nha Trang
5/2012 đến 3/2019	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ: chuyên viên phòng kế hoạch, Đội phó, Đội Trưởng đội Quản lý Vận hành BCL Lương Hòa, thành viên Hội đồng Quản trị
3/2019 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : **Nguyễn Thành Phú**

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 10 tháng 8 năm 1980 Giới tính: Nam

Quê quán: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225160619

Ngày cấp: 16/4/2013

Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Tài chính ngân hàng

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2006 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Lương Hải Thiện**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát, Phó trưởng Phòng kế hoạch

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 10 năm 1986 Giới tính: Nam

Quê quán : 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân: 225299664

Ngày cấp: 08/7/2009

Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kế toán kiểm toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2009 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Phó trưởng Phòng kế hoạch, thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng số CBCNV – người lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2019 là : 921 người

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Với yêu cầu tăng cường năng lực đột phá về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đầu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất và Điều lệ tổ chức hoạt động trong năm 2019 tiến hành đầu tư, mua sắm hình thành tài sản cố định (02 chiếc) xe ép rác chuyên dụng và 02 xe tải thu gom rác hẻm loại 500kg và 700kg.

4. Tình hình tài chính :

a. Kết quả về hoạt động tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu	Năm 2019
Tổng giá trị tài sản:	121.880.880.822
Tài sản ngắn hạn:	79.680.725.557
- Tiền và các khoản tương đương tiền	47.326.223.352
- Các khoản phải thu ngắn hạn	30.131.012.773
- Hàng tồn kho	1.181.952.158
- Tài sản ngắn hạn khác	1.041.537.274

Tài sản dài hạn:	42.200.155.265
- Tài sản cố định	39.415.457.162
- Tài sản dở dang dài hạn	0
- Tài sản dài hạn khác	2.784.698.103
Doanh thu thuần:	205.412.772.961
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.	7.894.848.473
Lợi nhuận khác	(54.255.867)
Lợi nhuận trước thuế	7.840.228.606
Lợi nhuận sau thuế	6.178.754.062

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	1,94
+ Hệ số thanh toán nhanh $\frac{\text{TS ngắn hạn} - \text{hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,43
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân	56,17
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 6.000.000 cổ phần

Trong đó :

- Cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.910.900 cổ phần

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 89.100 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	3.701.000	61,68

2	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Du lịch Tường Nhân	1.511.300	25,19
3	Người lao động trong công ty và cá nhân ngoài	787.700	13,13
Cộng		6.000.000	100,00

6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động : 921 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 9.177.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

Công ty tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

c. Hoạt động đào tạo người lao động :

Trong năm 2019 Công ty tiếp tục tổ chức cho người lao động tham gia học tập An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và lớp vận hành thiết bị nâng và thiết bị công trình.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Năm 2019, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang với sự nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 205,977 tỷ đồng tăng 6,477 tỷ đồng ,tỷ lệ 103,247 %

- Chi phí: 198,137 tỷ đồng tăng 6,437 tỷ đồng ,tỷ lệ 103,358 %

2. Tình hình tài chính :

a. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2019:

Tổng cộng tài sản:	121.880.880.822 đồng
+ Tài sản ngắn hạn:	79.680.725.557 đồng
+ Tài sản dài hạn:	42.200.155.265 đồng
Tổng cộng nguồn vốn:	121.880.880.822 đồng
+ Nợ phải trả:	52.290.065.321 đồng
+ Nguồn vốn chủ sở hữu:	69.590.815.501 đồng
b. Kết quả sản xuất kinh doanh:	
+ Tổng doanh thu và thu nhập:	205.977.200.962 đồng
+ Giá vốn và chi phí phân bổ:	198.136.972.356 đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	7.840.228.606 đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.661.474.544 đồng
 + Lợi nhuận sau thuế: 6.178.754.062 đồng
 c. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Hệ số bảo toàn vốn (Vốn CSH kỳ này/ Vốn CSH kỳ trước)	0,99
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/nợ ngắn hạn)	1,94
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/nợ ngắn hạn)	1,91
3	Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – Tài sản	
	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,43
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,75
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,06
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	0,09

Căn cứ số liệu trên báo cáo tài chính cho thấy:

- Hệ số bảo toàn vốn: Vốn chủ sở hữu kỳ này tăng 0,99 lần so với kỳ trước như vậy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

- Khả năng thanh toán: Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,94 lần, khả năng thanh toán nhanh đạt 1,91 lần có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

- Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – tài sản: Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu hiện có lớn hơn nợ phải trả thể hiện công ty đảm bảo được nguồn vốn chi trả, đảm bảo được sự độc lập về tài chính.

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Bình quân 1 đồng doanh thu tạo ra 0,03 đồng lợi nhuận, chỉ tiêu (ROA): bình quân cứ 1 đồng tài sản được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra được 0,06 đồng lợi nhuận; chỉ tiêu (ROE): bình quân cứ 01 đồng vốn đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 0,09 đồng lợi nhuận.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Xuất phát từ tình hình thực tế và sự cấp bách, cần sự quyết đoán trong công việc của Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã đề ra một số giải pháp thay đổi về công tác tổ chức, quản trị như sau:

Ban hành sửa đổi, bổ sung các Nội quy, quy chế gồm :

- Thỏa ước Lao động tập thể

- Quy chế trả lương và chấm điểm năng xuất, chất lượng, hiệu quả công việc

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2019 là năm khó khăn, giá đặt hàng dịch vụ công ích đô thị của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm, chi phí của công ty lại tăng do các chế độ của người lao động thực hiện hiện theo quy định của nhà nước như: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm.

Tuy nhiên với những lợi thế, thuận lợi, năng lực đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường chất lượng ngày càng cao, yên tâm trong công tác đấu thầu. Nguồn nhân lực có kinh nghiệm, chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc thuận lợi, thân thiện và ổn định lâu dài.

Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

a. Việc thực hiện công tác chuyên môn.

Phấn đấu hoàn thành tốt các các nội dung được ký trong các Hợp đồng Dịch vụ công ích với UBND thành phố:

- Công tác Môi trường:

+ Phấn đấu thực hiện quét dọn, thu gom, vận chuyển rác trên đất liền và trên đảo đạt: 100% trở lên theo hợp đồng đặt hàng.

+ Xây dựng và thực hiện phương án quét, thu gom, vận chuyển rác để đạt hiệu quả ngày càng cao, chú trọng các khu vực bờ biển đường Trần Phú, Phạm Văn Đồng và các trục chính. Chuẩn bị thiết bị, cơ sở vật chất và tinh thần để tiếp tục tham gia đấu thầu về môi trường và cây xanh khi có sự chỉ đạo của UBND tỉnh và thành phố.

- Công tác thu phí vệ sinh: phấn đấu thu đạt từ 80% trở lên theo chỉ tiêu kế hoạch được giao. Hạn chế thấp nhất về tình trạng thất thu phí.

- Công tác quản lý điện chiếu sáng công cộng:

+ Đảm bảo an toàn tuyệt đối về điện chiếu sáng công cộng mọi lúc, mọi nơi, đặc biệt là trong mùa mưa bão.

+ Đáp ứng công tác quản lý, sửa chữa kịp thời điện chiếu sáng công cộng: 100% yêu cầu sửa chữa và thay thế hư hỏng.

+ Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện kịp thời gian, đúng yêu cầu theo yêu cầu của UBND tỉnh và thành phố.

- Công tác quản lý công viên, cây xanh đường phố: chăm tưới đạt: 100% theo kế hoạch, chất lượng cây sống tốt đạt: 90% (10% số cây chết do thời tiết, bão, trâu bò phá và cây già, dân làm hư), cắt, xén cây đạt: 100% theo kế hoạch.

- Quản lý tốt 2 nghĩa trang và Nhà hỏa táng:

+ Nhà hỏa táng đáp ứng kịp thời theo yêu cầu của người dân.

+ Quản lý 02 nghĩa trang tốt, hạn chế đến mức tối đa việc tranh chấp, khiếu nại.

b. Về mặt xã hội :

- Phân đầu tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên năm sau cao hơn năm trước để trang trải đầy đủ trong nhịp sống chung ngày càng cao
- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tho đúng quy định của pháp luật
- Tăng cường giải quyết việc làm cho người lao động trong Công ty
- Tạo mọi điều kiện cho cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, tay nghề để thực hiện tốt hơn cho các nghiệp vụ chuyên môn
- Tăng phụ cấp cho cán bộ, nhân viên làm việc có tính chất nguy hiểm, độc hại
- Hỗ trợ, thưởng cho các công nhân trực tiếp quét, thu gom rác trong những ngày lễ, tết.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

Năm 2019, bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất thông qua, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Với những thuận lợi trong nhiều năm tổ chức và hình thành Công ty như :

- Thành phố Nha Trang là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh Khánh Hòa, là điểm du lịch lớn của cả nước với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vì vậy dịch vụ công ích đô thị được UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Nha Trang quan tâm ưu ái đặt hàng cho công ty.

- Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang đã có thương hiệu, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, có đội ngũ công nhân lành nghề.

- Phương tiện toàn bộ là xe chuyên dùng như : xe ép rác, xe bồn tưới cây, xe sùn cát biển, xe hút bụi, xe đầm rác ...

- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó còn có một số khó khăn:

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Trình độ tay nghề của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của công việc.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:*

Trong năm 2019 khó khăn và thách thức không thể tránh khỏi, với nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 205,977 tỷ đồng tăng 6,477 tỷ đồng ,tỷ lệ 103,247 %

- Chi phí: 198,137 tỷ đồng tăng 6,437 tỷ đồng ,tỷ lệ 103,358 %

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân tại ngày 31/12/2018		Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước tại ngày 31/12/2018	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
I	Hội đồng Quản trị					
1	Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch	3.900	0,050	1.000.000	16,6667
2	Hồ Ngọc Ân	Thành viên Tổng Giám đốc			2.000.000	33,3333
3	Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên Kế toán trưởng	1.600	0,0267	400.000	6,6667
4	Ngô Văn Đùng	Thành viên	3.100	0,0517	304.100	5,0683
5	Bùi Văn Khánh	Thành viên	1.400	0,0233		
6	Võ Tường Trọng	Thành viên	1.511.300	25,1883		
7	Phan Ngọc Thanh	Thành viên				

b. Các hoạt động của Hội đồng quản trị :

Nét nổi bật về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng , năng động

- Chăm lo, phê duyệt điều chỉnh lương và thu nhập cho Ban Tổng Giám đốc và người lao động, tạo nên sự an tâm công tác gắn bó với Công ty

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

Năm 2019 Hội đồng quản trị công ty đã họp và thông qua các nội dung:

- Báo cáo sơ bộ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018
- Kế Hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

- Thông qua Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và người quản lý công ty năm 2019. Căn cứ theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, thù lao tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước. Trong đó :

+ Lợi nhuận kế hoạch năm 2019: 7.800 triệu đồng

+ Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2019 là : 100.366 triệu đồng

+ Quỹ tiền lương kế hoạch, thù lao của người quản lý năm 2019: 1.590 triệu đồng. Trong đó :

. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2019 : 1.122 triệu đồng

. Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2019: 468 triệu đồng

-Thông qua các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 gồm :

+ Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang và phương hướng phát triển kinh doanh năm 2019.

+ Báo cáo hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị

+ Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018.

+ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty.

+ Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2018 và dự kiến phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2019.

+ Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018

- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế tại Hội nghị đại biểu người lao động năm 2019 gồm”:

+ Thỏa ước Lao động tập thể

+ Quy chế trả lương và chấm điểm năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C, Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Chi nhánh tại Nha Trang số 18 Trần Khánh Dư, Phường Phước Tân, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

- Thông qua phương pháp trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (2% lợi nhuận sau thuế) là chia đều cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự với tư cách quan sát viên.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2019	
			Số lượng	Tỉ lệ
II	Ban Kiểm soát			
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	1.900	0,0317
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	3.900	0,065

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2019, Ban kiểm soát được mời và Ban đã bố trí thời gian tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Đại diện Ban đã nghe và tham gia đóng góp nhiều ý kiến trong các cuộc họp để định hướng cho Công ty vừa đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vừa thực hiện đúng Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần. Ngoài ra, Ban cũng đã trao đổi, thảo luận giữa các thành viên trong Ban để thống nhất ý kiến bằng hình thức họp hoặc điện thoại.

- Về công tác thẩm tra báo cáo tài chính: Qua thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019, Ban kiểm soát nhận thấy:

+ Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, đảm bảo quản lý vốn an toàn, hợp lý, thực hiện đầy đủ các khoản thu chi minh bạch, rõ ràng. Ban không phát hiện trường hợp nào bất thường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc ban hành đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và có nội dung phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Công tác quản lý tài chính: Báo cáo tài chính đúng biểu mẫu, việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đầy đủ, trung thực, kịp thời đúng quy định Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, và chế độ

kế toán Việt Nam hiện hành. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo quyết toán năm 2019 đã được kiểm toán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát :

a. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2019 :

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2019 (đồng)
1	Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	60.000.000
2	Hồ Ngọc Ân	Thành viên HĐQT	4.000.000	48.000.000
3	Phan Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	4.000.000	48.000.000
4	Ngô Văn Đình	Thành viên HĐQT	4.000.000	48.000.000
5	Võ Tường Trọng	Thành viên HĐQT	4.000.000	48.000.000
6	Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên HĐQT	4.000.000	48.000.000
7	Bùi Văn Khánh	Thành viên HĐQT	4.000.000	48.000.000
	Tổng cộng			348.000.000

b. Báo cáo thù lao Ban Kiểm soát năm 2019:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2019 (đồng)
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng BKS	4.000.000	48.000.000
2	Lương Hải Thiện	Thành viên BKS	3.000.000	36.000.000
3	Nguyễn Hùng	Thành viên BKS	3.000.000	36.000.000
	Tổng cộng			120.000.000

c. Báo cáo thù lao Thư ký Công ty năm 2019:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2019 (đồng)
1	Bùi Thế Tân	Thư ký công ty	2.000.000	24.000.000
	Tổng cộng			24.000.000

d. Báo cáo mức lương của Tổng Giám đốc năm 2019:

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương / tháng (đồng)	Tiền lương năm 2019 (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	35.961.500	431.538.000
	Tổng cộng			431.538.000

VI. Báo cáo tài chính :





BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 26 tháng 5 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 ngày 6 tháng 5 năm 2016 về việc thay đổi trụ sở chính của Công ty.
- Giấy xác nhận số 1646/17 ngày 16/01/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (cụ thể bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.
- Giấy xác nhận số 34565/17 ngày 27/09/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (cụ thể bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh).

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (0258) 3523 863
- Fax : (0258) 3523 863

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;

MA
CH
ĐK
TO
A
TH
/17

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đầu;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Tây	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Hồ Ngọc Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Ngô Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Văn Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Võ Tường Trọng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Ngọc Ân - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Head Office	02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	ktty@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	40 Giang Vũ St., Dong Đa Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	ktty.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	Le Shi Hoa St., Li Hong Hong II Urban Area, Phuoc Hoa Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	ktty.nst@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	15-11 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4993 Fax: +84 (0292) 376 4996	ktty.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0090/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

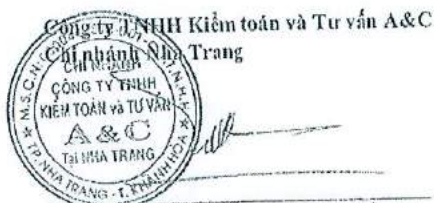
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thị Ngọc Trâm - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 19 tháng 3 năm 2020


Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.680.725.557	82.098.669.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.326.223.352	49.414.990.476
1. Tiền	111		47.326.223.352	17.406.771.298
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	32.008.219.178
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.131.012.773	26.547.764.228
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	30.086.049.503	26.373.735.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	158.520.700	268.250.200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	419.791.810	346.968.128
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(533.349.240)	(441.189.600)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.181.952.158	5.551.496.576
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.181.952.158	5.551.496.576
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.041.537.274	584.418.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	65.139.101	31.632.778
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	976.398.173	552.785.669
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

6

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.200.155.265	44.395.810.642
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.415.457.162	41.148.623.913
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.350.763.611	41.148.623.913
- Nguyên giá	222		115.497.421.750	111.485.167.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.146.658.139)	(70.336.544.036)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	64.693.551	-
- Nguyên giá	228		70.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.306.449)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	48.038.818
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	48.038.818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.784.698.103	3.199.147.911
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.784.698.103	3.199.147.911
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.880.880.822	126.494.480.369

Báo cáo này phát được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		52.290.065.321	56.023.390.930
I. Nợ ngắn hạn	310		41.056.585.425	42.277.055.225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.351.030.808	2.430.370.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	108.300.000	300.573.850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.046.380.840	2.673.983.732
4. Phải trả người lao động	314	V.14	30.173.079.173	29.364.558.689
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.563.328.278	4.380.715.552
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a,c	2.473.205.702	2.239.089.308
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	313.394.724	313.394.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	27.865.900	574.369.200
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.233.479.896	13.746.335.705
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b,c	9.039.716.829	11.239.177.914
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	2.193.763.067	2.507.157.791
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

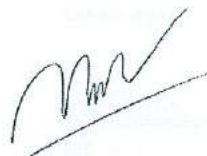
Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.590.815.501	70.471.089.439
I. Vốn chủ sở hữu	410		69.590.815.501	70.473.517.439
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	3.146.281.000	2.361.074.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	6.444.534.501	8.112.443.439
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		265.780.439	8.112.443.439
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.178.754.062	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	(2.428.000)
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	-	(2.428.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.880.880.822	126.494.480.369


 Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Người lập biểu


 Nguyễn Hùng Thanh
 Kế toán trưởng




 Hồ Ngọc Ân
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	205.413.482.961	196.461.877.089
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	710.000	24.641.818
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		205.412.772.961	196.437.235.271
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	189.125.225.886	177.578.254.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.287.547.075	18.858.980.866
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	523.953.449	759.354.987
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	205.360.422	198.222.165
Trong đó: chi phí lãi vay	23		205.360.422	198.222.165
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.711.655.629	9.460.170.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.894.484.473	9.959.943.206
11. Thu nhập khác	31	VI.7	40.474.552	248.235.241
12. Chi phí khác	32	VI.8	94.730.419	335.313.571
13. Lợi nhuận khác	40		(54.255.867)	(87.078.330)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.840.228.606	9.872.864.876
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.661.474.514	2.020.793.909
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.178.754.062	7.852.070.967
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	803	1.021
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	803	1.021


 Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Người lập biểu


 Nguyễn Hùng Thanh
 Kế toán trưởng



tháng 3 năm 2020
 Hồ Ngọc Ân
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.840.228.606	9.872.864.876
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	9.484.178.841	10.010.710.681
- Các khoản dự phòng	03	V.5	92.159.640	294.931.600
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V1.4	(523.953.449)	(759.354.987)
- Chi phí lãi vay	06	V1.5	205.360.422	198.222.165
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.097.974.060	19.617.374.335
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.211.492.072)	(3.285.256.347)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	4.369.544.418	1.811.735.947
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.880.276.208)	(405.927.515)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	380.943.485	(638.091.491)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15, V1.5	(211.565.638)	(142.375.225)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.648.420.705)	(2.165.425.755)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18,20	1.073.697.000	1.023.321.080
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18,20	(3.345.228.300)	(2.384.999.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.625.176.040	13.430.355.942
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(7.702.973.272)	(3.706.337.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, V1.4	636.424.832	646.883.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.066.548.440)	(3.059.453.760)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

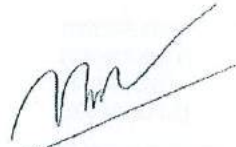
Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(313.394.724)	(313.394.724)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(5.334.000.000)	(4.764.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(5.647.394.724)</i>	<i>(5.077.394.724)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.088.767.124)	5.293.507.458
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		49.414.990.476	44.121.483.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		47.326.223.352	49.414.990.476


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởngHồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

13

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không hình thành bộ máy kế toán

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Đầu tư
- Phòng Kế hoạch
- Xi nghiệp Môi trường:
 - + Đội Môi trường 1
 - + Đội Môi trường 2
 - + Đội Môi trường 3
 - + Đội Môi trường 4
 - + Đội Xe
 - + Đội Thu phí
- Đội Cây xanh
- Đội Bảo vệ
- Đội Dịch vụ
- Đội Cơ khí
- Đội Kiểm tra chất lượng an toàn vệ sinh người lao động -- Tổ thu phí đỗ xe dưới lòng đường
- Đội Vận hành bãi chôn lấp Lương Hoà
- Đội Điện
- Đội Xây dựng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 921 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 926 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

14

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. **Các khoản phải thu**
Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. **Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng 10 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

17

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

18

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu chỉ được ghi nhận trong dương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

19



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Quyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	161.567.490	247.799.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.164.655.862	17.158.971.841
Các khoản tương đương tiền	-	32.008.219.178
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	32.008.219.178
Cộng	47.326.223.352	49.414.990.476

Bản quyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố Nha Trang	28.292.923.503	-
Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang	-	25.033.025.000
Các khách hàng khác	1.793.126.000	1.340.710.500
Cộng	30.086.049.503	26.373.735.500

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc	55.123.200	55.123.200
Công ty TNHH Ibon	-	109.878.000
Các nhà cung cấp khác	103.397.500	103.249.000
Cộng	158.520.700	268.250.200

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	355.909.000	-	171.514.800	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	11.000.000	-	11.990.000	-
Thuế GTGT tạm thời chưa được khấu trừ	52.882.810	-	50.991.945	-
Lãi dự thu	-	-	112.471.383	-
Cộng	419.791.810	-	346.968.128	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các tổ chức và cá nhân khác		627.941.200		627.941.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 505 - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	146.258.000	Trên 3 năm	146.258.000
Công ty TNHH Xây Dựng Quyết Tiến - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	270.450.000	Từ 2 đến dưới 3 năm	270.450.000
Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Nha Trang - Phải thu tiền bồi thường	Từ 2 đến dưới 3 năm	156.110.000	Từ 1 đến dưới 2 năm	156.110.000
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc - Trả trước cho người bán	Từ 2 đến dưới 3 năm	55.123.200	Từ 1 đến dưới 2 năm	55.123.200
Cộng		627.941.200		627.941.200
		94.591.960		186.751.600

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

22

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	441.189.600	146.258.000
Trích lập dự phòng bổ sung	92.159.640	294.931.600
Số dư cuối năm	<u>533.349.240</u>	<u>441.189.600</u>

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	603.763.311	-	1.082.567.422	-
Công cụ, dụng cụ	430.129.164	-	311.007.543	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.298.954	-	4.137.740.992	-
Thành phẩm	1.936.729	-	20.180.619	-
Hàng hóa	47.824.000	-	-	-
Cộng	<u>1.181.952.158</u>	-	<u>5.551.496.576</u>	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	52.478.336	19.066.668
Chi phí bảo hiểm	12.660.765	12.566.110
Cộng	<u>65.139.101</u>	<u>31.632.778</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.595.698.572	1.940.808.148
Chi phí sửa chữa	1.188.999.531	1.258.339.763
Cộng	<u>2.784.698.103</u>	<u>3.199.147.911</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	22.457.718.806	8.847.123.816	80.093.325.327	87.000.000	111.485.167.949
Dầu tư xây dựng hoàn thành	2.163.651.181	170.950.000	5.346.410.909	-	7.681.012.090
Thanh lý	-	-	(3.668.758.289)	-	(3.668.758.289)
Số cuối năm	<u>24.621.369.987</u>	<u>9.018.073.816</u>	<u>81.770.977.947</u>	<u>87.000.000</u>	<u>115.497.421.750</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	4.885.984.510	62.400.000	19.148.972.974	87.000.000	24.184.357.484
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	14.554.414.825	1.925.257.303	53.769.871.908	87.000.000	70.336.544.036
Khấu hao trong năm	1.544.786.503	1.241.439.112	6.692.646.777	-	9.478.872.392
Thanh lý	-	-	(3.668.758.289)	-	(3.668.758.289)
Số cuối năm	<u>16.099.201.328</u>	<u>3.166.696.415</u>	<u>56.793.760.396</u>	<u>87.000.000</u>	<u>76.146.658.139</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

23

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANGĐịa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.903.303.981	6.921.866.513	26.323.453.419	-	41.148.623.913
Số cuối năm	8.522.168.659	5.851.377.401	24.977.217.551	-	39.350.763.611
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 429.609.159 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận (xem thuyết minh số V.17b).

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Dầu tư xây dựng hoàn thành	70.000.000	-	-
Khấu hao trong năm	-	5.306.449	-
Số cuối năm	70.000.000	5.306.449	64.693.551

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	5.310.962.727	(5.310.962.727)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	48.038.818	2.392.010.545	(2.440.049.363)	-
- Công trình cải tạo bể chứa, xây dựng bể tách vàng dầu mỡ, xử lý bùn nặng vớt bể phốt tại BCL Lương Hòa	19.081.818	1.680.786.363	(1.699.868.181)	-
- Các công trình khác	28.957.000	711.224.182	(740.181.182)	-
Cộng	48.038.818	7.702.973.272	(7.751.012.090)	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Quốc Hưng - Cửa hàng Toàn Điện	647.547.000	585.335.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	289.790.000	-
Ông Huỳnh Tấn Sỹ	262.344.000	259.160.000
Các nhà cung cấp khác	1.151.349.808	1.585.875.170
Cộng	2.351.030.808	2.430.370.170

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

24

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Phát triển Quy Đất	79.500.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Quốc tế Nam Việt Galaxy	28.800.000	38.300.000
Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố Nha Trang	-	262.273.850
Cộng	108.300.000	300.573.850

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Thuế được hoàn	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.167.005.027	-	10.525.408.923	(10.113.505.654)	-	2.578.908.296	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	375.020.705	-	1.661.474.544	(1.648.420.705)	-	388.074.544	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-	15.611.000	(15.611.000)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	552.785.669	505.473.436	(1.545.913.213)	616.827.273	-	976.398.173
Thuế tài nguyên	-	-	24.052.276	(24.052.276)	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	197.429.500	(197.429.500)	-	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	4.087.281	(4.087.281)	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	-
Các loại thuế khác	131.958.000	-	914.481.000	(967.041.000)	-	79.398.000	-
Cộng	2.673.983.732	552.785.669	13.852.017.960	(14.520.060.629)	616.827.273	3.046.380.840	976.398.173

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Duy trì vườn cây, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ Không chịu thuế
- Bán cây cảnh 5%
- Bán chậu cảnh, xây mộ, dịch vụ công cộng về vệ sinh, thi công xây dựng công trình... 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

25

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.840.228.606	9.872.864.876
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	467.144.112	231.104.667
Thu nhập chịu thuế	8.307.372.718	10.103.969.543
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.661.474.544	2.020.793.909

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²)</u>
Bãi chôn lấp rác thải Lương Hoà, nhà hoá táng thôn Lương Hoà, xã Vĩnh Lương	15.216,7	2.400
Bãi để xe, văn phòng Đội Xây dựng Hòn Rỏi 1, xã Phước Đồng	1.673,3	6.758
Vườn hoa Vĩnh Diễm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	7.508,0	3.240
Số 217 đường 2/4, phường Vạn Thạnh	73,2	42.188
Số 203/2a đường 2/4, phường Vạn Thạnh	364,5	30.240
Số 180 Ngõ Gia Tự, phường Phước Tiến	103,80	37.500
172 Lê Hồng Phong, phường Phước Hải	672,70	30.000
84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ	812,10	60.750
Vườn hoa Vĩnh Trung	11.945,00	2.025
Bãi để xe Vĩnh Lương	9.553,7	2.130
180 Ngõ Gia Tự - Phước Tiến	110,9	37.500

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Số cuối năm là quỹ lương còn phải trả cho người lao động và người quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê ngoài xây nghĩa trang	419.251.363	991.325.637
Chi phí tiền ăn ca phải trả	449.610.000	1.302.590.000
Chi phí vật tư phụ tùng sửa chữa xe ô tô	202.952.273	76.781.000
Chi phí lãi vay	49.641.724	55.846.940
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.441.872.918	1.954.171.975
Cộng	2.563.328.278	4.380.715.552

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	156.907.238	89.242.090
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	127.798.100
Ban Quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang - phải trả về bàn giao 5 xe ép rác	1.094.374.205	1.094.374.205
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	982.995.511	616.827.273
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	238.928.748	310.847.640
Cộng	2.473.205.702	2.239.089.308

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	3.088.233.914	3.088.233.914
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	3.088.233.914	3.088.233.914
- Nhận bàn giao 1 xe đào và 1 xe đầm nén	1.591.753.248	1.591.753.248
- Nhận bàn giao 5 xe ép rác	1.027.430.489	1.027.430.489
- Nhận bàn giao 500 thùng đựng rác	469.050.177	469.050.177
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.951.482.915	8.150.944.000
Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang - Nhận bàn giao Công nghệ mới lò hòa táng	5.951.482.915	8.150.944.000
Cộng	9.039.716.829	11.239.177.914

16c. Nợ phải trả quá hạn

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	313.394.724	313.394.724
Cộng	313.394.724	313.394.724

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

27

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, trong năm Công ty còn phát sinh khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,7%/năm, thời hạn vay 2 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	313.394.724	-	(313.394.724)	313.394.724	313.394.724
Cộng	313.394.724	6.000.000.000	(6.313.394.724)	313.394.724	313.394.724

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận	2.193.763.067	2.507.157.791
Cộng	2.193.763.067	2.507.157.791

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	313.394.724	313.394.724
Trên 1 năm đến 5 năm	1.253.578.896	1.253.578.896
Trên 5 năm	940.184.171	1.253.578.895
Cộng	2.507.157.791	2.820.552.515

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.507.157.791	2.820.552.515
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(313.394.724)	(313.394.724)
Số cuối năm	2.193.763.067	2.507.157.791

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Ngân sách thưởng	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	379.734.000	1.177.811.000	556.459.000	(2.081.060.000)	32.944.000
Quỹ phúc lợi	201.135.200	392.604.000	-	(587.317.300)	6.421.900
Quỹ thưởng Ban điều hành	(6.500.000)	157.041.000	-	(162.041.000)	(11.500.000)
Cộng	574.369.200	1.727.456.000	556.459.000	(2.830.418.300)	27.865.900

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	1.659.674.000	7.268.852.472	68.928.526.472
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2017	-	701.400.000	(701.400.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2017	-	-	(1.543.080.000)	(1.543.080.000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	(4.764.000.000)	(4.764.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.852.070.967	7.852.070.967
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	2.361.074.000	8.112.443.439	70.473.517.439
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	2.361.074.000	8.112.443.439	70.473.517.439
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	785.207.000	(785.207.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	(1.727.456.000)	(1.727.456.000)
Chi cổ tức năm 2018	-	-	(5.334.000.000)	(5.334.000.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	6.178.754.062	6.178.754.062
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	3.146.281.000	6.444.534.501	69.590.815.501

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	37.010.000.000	37.010.000.000
DNTN Thương mại và Du lịch Trường Nhân	15.113.000.000	15.113.000.000
Các cổ đông khác	7.877.000.000	7.877.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 24 tháng 5 năm 2019 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	: 785.207.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (22% lợi nhuận sau thuế)	: 1.727.456.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 5.334.000.000

20. Nguồn kinh phí

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.428.000)	10.691.007
Nguồn kinh phí được cấp	517.238.000	485.441.080
Chi sự nghiệp	(514.810.000)	(498.560.087)
Số cuối năm	-	(2.428.000)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản nhận giữ hộ**

Tài sản nhận giữ hộ của Công ty là là tài sản cố định phục vụ công cộng bao gồm: hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, tổng tài sản giữ hộ có nguyên giá là 259.755.709.184 VND, giá trị còn lại 35.094.736.809 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vệ sinh môi trường (bao gồm Phước Long + Vĩnh Hiệp)	109.420.957.333	112.833.043.635
Doanh thu duy trì chăm sóc cây xanh	22.108.734.000	16.424.039.009
Doanh thu quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	19.463.454.511	17.824.951.339
Doanh thu kinh doanh dịch vụ khác	9.225.694.082	14.272.408.463
Doanh thu duy trì điện chiếu sáng công cộng	21.196.177.000	13.427.251.818

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

30

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bãi chôn lấp rác Lương Hòa	13.880.104.658	13.771.629.091
Doanh thu xử lý nước ri rác Lương Hoà	1.372.132.541	1.384.935.455
Doanh thu thu phí đỗ xe ô tô dưới lòng đường	1.117.699.000	161.282.000
Doanh thu bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	2.752.727.273	2.523.636.364
Doanh thu vệ sinh môi trường (tự quản)	4.875.802.563	3.838.699.915
Cộng	205.413.482.961	196.461.877.089

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại phát sinh trong năm.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vệ sinh môi trường (bao gồm Phước Long + Vĩnh Hiệp)	101.284.170.961	100.701.206.233
Giá vốn duy trì chăm sóc cây xanh	20.828.350.909	15.612.300.838
Giá vốn quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	14.916.955.406	15.524.317.822
Giá vốn kinh doanh dịch vụ khác	7.577.323.746	11.909.500.799
Giá vốn duy trì điện chiếu sáng công cộng	19.506.545.252	11.832.501.773
Giá vốn bãi chôn lấp rác Lương Hòa	13.211.934.170	12.136.588.515
Giá vốn xử lý nước ri rác Lương Hoà	2.901.610.998	2.505.118.538
Giá vốn thu phí đỗ xe ô tô dưới lòng đường	1.670.067.836	328.840.350
Giá vốn bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	2.782.328.154	2.662.683.849
Giá vốn vệ sinh môi trường (tự quản)	4.445.938.454	4.365.195.688
Cộng	189.125.225.886	177.578.254.405

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm.

5. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.778.334.002	6.004.314.044
Chi phí vật liệu quản lý	121.679.327	143.833.912
Chi phí đồ dùng văn phòng	67.180.806	87.661.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	457.305.326	393.889.380
Thuế, phí và lệ phí	81.745.981	74.304.800
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	92.159.640	294.931.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.220.864.974	1.687.407.701
Chi phí khác	892.385.573	773.827.471
Cộng	8.711.655.629	9.460.170.482

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

31

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ đền bù tài sản, đền bù giải tỏa	-	222.975.000
Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	7.479.636
Các khoản thu nhập khác	40.474.552	17.780.605
Cộng	40.474.552	248.235.241

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao các tài sản cố định không sử dụng chờ thanh lý	-	67.012.790
Các khoản bị phạt, bị truy thu	92.072.673	7.187.554
Chi phí bồi thường, đền bù	-	135.116.217
Chi phí thiệt hại do bão	-	125.630.283
Các khoản chi phí khác	2.657.746	366.727
Cộng	94.730.419	335.313.571

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.178.754.062	7.852.070.967
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành ^{9b}	(1.359.326.000)	(1.727.456.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.819.428.062	6.124.614.967
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	803	1.021

9b. Thông tin khác

^{9b} Khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thưởng Ban điều hành năm nay được dự tính theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 24 tháng 5 năm 2019 thông qua. Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20% và quỹ thưởng Ban điều hành là 2% lợi nhuận sau thuế năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.437.023.175	29.149.876.390
Chi phí nhân công	117.645.564.800	110.376.691.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.484.178.841	9.943.697.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.839.970.382	18.485.863.347
Chi phí khác	8.372.458.389	17.654.320.281
Cộng	193.779.195.587	185.610.449.873

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

32

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên ban điều hành bao gồm có lương, thưởng, thù lao với tổng số chỉ trong năm là 1.328.412.300 VND (năm trước là 1.321.884.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông nắm giữ 61,68% vốn điều lệ.
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân	Cổ đông nắm giữ 25,19% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Công ty chỉ trả cổ tức	3.292.846.745	2.941.055.400
Các khoản kinh phí hỗ trợ và khen thưởng	556.459.000	537.880.000
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân		
Công ty chỉ trả cổ tức	1.343.545.700	1.199.972.200

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.16a và V.16b.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

33

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.326.223.352	-	47.326.223.352
Phải thu khách hàng	29.513.231.503	572.818.000	30.086.049.503
Các khoản phải thu khác	366.909.000	-	366.909.000
Cộng	77.206.363.855	572.818.000	77.779.181.855
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.414.990.476	-	49.414.990.476
Phải thu khách hàng	25.800.917.500	572.818.000	26.373.735.500
Các khoản phải thu khác	175.453.328	-	175.453.328
Cộng	75.391.361.304	572.818.000	75.964.179.304

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

34

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	2.351.030.808	-	-	2.351.030.808
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	1.253.578.896	940.184.171	2.507.157.791
Các khoản phải trả khác	2.680.165.657	11.239.177.914	-	13.919.343.571
Cộng	5.344.591.189	12.492.756.810	940.184.171	18.777.532.170
Số đầu năm				
Phải trả người bán	2.430.370.170	-	-	2.430.370.170
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	1.253.578.896	1.253.578.895	2.820.552.515
Các khoản phải trả khác	6.402.764.670	11.239.177.914	-	17.641.942.584
Cộng	9.146.529.564	12.492.756.810	1.253.578.895	22.892.865.269

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

35

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.326.223.352	-	49.414.990.476	-	47.326.223.352	49.414.990.476
Phải thu khách hàng	30.086.049.503	(494.763.000)	26.373.735.500	(572.818.000)	29.591.286.503	25.800.917.500
Các khoản phải thu khác	366.909.000	-	175.453.328	-	366.909.000	175.453.328
Cộng	77.779.181.855	(494.763.000)	75.964.179.304	(572.818.000)	77.284.418.855	75.391.361.304

Nợ phải trả tài chính

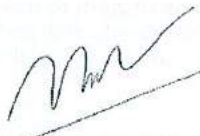
	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	2.351.030.808	2.430.370.170	2.351.030.808	2.430.370.170
Vay và nợ thuê tài chính	2.507.157.791	2.820.552.515	2.507.157.791	2.820.552.515
Các khoản phải trả khác	13.919.343.571	17.641.942.584	13.919.343.571	17.641.942.584
Cộng	18.777.532.170	22.892.865.269	18.777.532.170	22.892.865.269


Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng


19 tháng 3 năm 2020

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

36

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY


TỔNG GIÁM ĐỐC
HỒ NGỌC ÂN